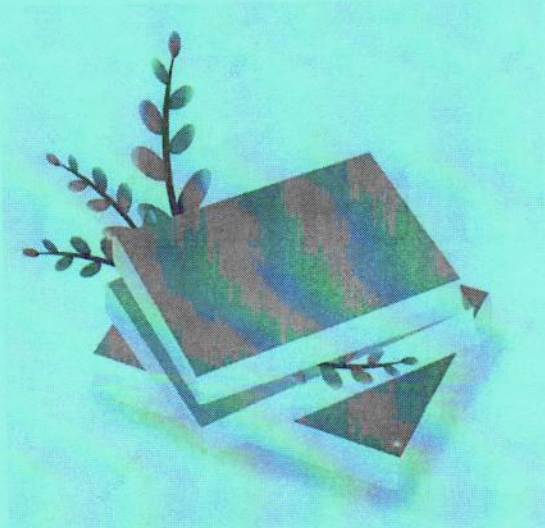
SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HÓC MÔN

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói thầu:

Mua sắm thuốc Generic bổ sung năm 2021-2022



Tháng 11 năm 2022

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HÓC MÔN

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói thầu:	**MUA SẮM THUỐC GENERIC BỔ SUNG NĂM 2021-2022**
Phát hành ngày:	29/11/2022
Ban hành kèm theo Quyết định số:	3771/QĐ-BVHM

Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HÓC MÔN

ĐẶNG QUỐC QUÂN

MỤC LỤC

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU 1
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU 2
Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU 5
Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX 9
Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU 12
Phần 2. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU 21
Chương V. YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP 21
Phần 3: YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG 22
Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG 22
Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG 27
Chương VIII: BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG 30
PHỤ LỤC 35

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	Đồng Việt Nam
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu
KQTT	Kết quả trúng thầu

PHẦN 1:
THỦ TỤC ĐẤU THẦU
Chương I
CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu và thời gian thực hiện hợp đồng

1. Bên mời thầu: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn phát hành bộ HSYC để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm thuốc được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu đối với nhà thầu.

2. Tên gói thầu: Quy định tại **BDL.**

3. Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu: nguồn thu từ ngân sách nhà nước cấp; nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Loại hợp đồng: Quy định tại **BDL.**

5. Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại **BDL.**

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược do cơ quan có thẩm quyền cấp với phạm vi kinh doanh là sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **BDL**;

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định tại **BDL**.

Mục 3. Tính hợp lệ của thuốc

Thuốc đề xuất được coi là hợp lệ nếu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam, được quy định tại **BDL.**

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu muộn nhất vào ngày theo quy định **BDL**. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và các nhà thầu khác đã nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn ngày theo quy định **BDL**.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi HSĐX, Bên mời thầu có thể gia hạn thời

điểm đóng thầu quy định tại Mục 11 Chương I CDNT.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong mua sắm trực tiếp.

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự mua sắm trực tiếp.

2. Đồng tiền tham dự và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSĐX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSĐX

HSĐX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn đề xuất theo Mẫu số 01, Chương IV – Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền (nếu có) theo Mẫu số 02, Chương IV – Biểu mẫu;
3. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu;
4. Bảng chào giá theo Mẫu số 04, Chương IV – Biểu mẫu;
5. Bảng cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu số 05, Chương IV – Biểu mẫu;
6. Tình hình tài chính của nhà thầu theo Mẫu số 06, Chương IV – Biểu mẫu;
7. Thông tin về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu;
8. Thông tin chứng minh tính hợp lệ của thuốc đề xuất

Mục 7. Chào giá và giảm giá

1.Giá chào ghi trong đơn đề xuất bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu.

Nhà thầu phải nộp HSĐX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương IV – Biểu mẫu.

2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn đề xuất hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các mặt hàng thuốc cụ thể nêu trong cột. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả mặt hàng thuốc. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSĐX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSĐX và được mở đồng thời cùng HSĐX của nhà thầu.

3. Giá chào của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo suất thuế, mức phí, lệ phí quy định tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSĐX của nhà thầu sẽ bị loại.

4. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá, phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cụ thể cho từng phần.

Mục 8. Thời hạn hiệu lực của HSĐX

1. Thời hạn có hiệu lực HSĐX là 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSĐX, Bên mời thầu có thể đề

nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSĐX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSĐX thì HSĐX của nhà thầu không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSĐX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 9. Quy cách HSĐX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSĐX bao gồm: 1 bản gốc cùng 03 bản chụp quy định tại **BDL**.

2. Túi đựng HSĐX, HSĐX sửa đổi, HSĐX thay thế của nhà thầu phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên Bên mời thầu, Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSĐX của nhà thầu.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSĐX của nhà thầu bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSĐX nêu tại Mục 6 Chương I – CDNT phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà thầu và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương IV – Biểu mẫu

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSĐX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu.

2. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSĐX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSĐX nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSĐX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Sau khi nộp HSĐX, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSĐX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu.

Trước thời điểm đóng thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSĐX thì nhà thầu nộp HSĐX thay thế HSĐX sửa đổi cho Bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại Mục 9 Chương II – Bảng dữ liệu đấu thầu.

Mục 11. Làm rõ HSĐX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSĐX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản.

2. Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Bên mời thầu 03 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSĐX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSĐX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham dự thầu khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: quy định tại **BDL**

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: quy định tại **BDL**

Chương II
BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

I.Nội dung yêu cầu

Mục	Nội dung
1	**Phạm vi gói thầu** - Tên gói thầu: **Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022** - Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn - Nội dung cung cấp chủ yếu: Theo "*Danh mục thuốc yêu cầu*" tại Phụ lục
	Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Nguồn ngân sách Nhà nước; Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan bảo hiểm xã hội thanh toán; Nguồn thu hợp pháp khác.
	Hình thức hợp đồng (loại hợp đồng): Hợp đồng theo đơn giá cố định
	Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp
	Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
	Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 18/7/2023
2	**Thông tin về kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu** - Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bản sao y chứng thực Báo cáo tài chính năm 2020 hoặc năm 2021 (Các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh); - Bản sao y chứng thực Thông báo trúng thầu (hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc "Thỏa thuận khung" của Công ty đã ký kết theo kết quả đã trúng thầu) và Hợp đồng mua bán các thuốc tương ứng với những mặt hàng có trong "*Danh mục thuốc yêu cầu*" tại Phụ lục – Gói thầu "Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022" của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn. *Thời gian từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả "Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022" của Bệnh biện Đa khoa Khu vực Hóc Môn không quá 12 tháng.*
3	**Thông tin chứng minh tính hợp lệ của thuốc đề xuất** -Giấy phép lưu hành sản phẩm hoặc Giấy phép nhập khẩu (các mặt hàng thuốc tham dự

	gói thầu nêu trên) còn hiệu lực; -Trường hợp mặt hàng thuốc tham dự có số đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hiệu lực hoặc hết thời hạn gia hạn hiệu lực của số đăng ký, nhà thầu cam kết theo Mẫu số 05; -Đúng tên hoạt chất, hàm lượng/nồng độ (được nêu tại "*Danh mục thuốc yêu cầu*" tại Phụ lục); Số lượng thuốc trên hợp đồng trước đó nhân 1,3 phải lớn hơn số lượng thuốc yêu cầu
4	**Sửa đổi HSYC** -Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
5	**Ngôn ngữ sử dụng** -HSĐX cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSĐX được trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSĐX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu bổ sung.
6	**Đơn đề xuất** -Do nhà thầu chuẩn bị và điền theo Mẫu số 01 có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện thep pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu kèm theo Giấy ủy quyền hợp pháp – Mẫu số 02)
7	**Yêu cầu về đơn giá** - Giá chào trong HSĐX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam - Giá chào trong HSĐX không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó đồng thời phải phù hợp với giá thị trường và cũng không được vượt quá đơn giá được phê duyệt trong danh mục thuốc kèm theo HSYC mà Bệnh viện đã phát hành - Giá chào không vượt giá bán buôn kê khai/kê khai lại của thuốc và phải được niêm yết giá trên trang Thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược.
8	**Thời gian hiệu lực của HSĐX** Thời hạn hiệu lực của HSĐX **120 ngày,** kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSĐX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
9	**Quy cách HSĐX**

	-Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 03 bản chụp HSĐX, đồng thời ghi bên hồ sơ và túi đựng tương ứng là **"BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT"**. Nhà thầu phải đảm bảo các bản có nội dung đồng nhất và được để trong phong bì có dấu niêm phong. -Trường hợp sửa đổi, thay thế HSĐX thì nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bản chụp HSĐX đã nộp. Trên trang bìa của hồ sơ và các túi đựng tương ứng phải ghi rõ **"BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ", "BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ".** -Cách trình bày ghi trên túi đựng HSĐX: ▪ Phong bì chứa HSĐX được dán kín có đóng dấu niêm phong, bên ngoài ghi rõ nhà thầu, địa chỉ, số điện thoại nhà thầu. ▪ Cách trình bày các thông tin trên mỗi túi đựng HSĐX Tên nhà thầu: Điện thoại, FAX: Kính gửi: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HÓC MÔN** Địa chỉ: 65/2B Bà Triệu, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh **HỒ SƠ ĐỀ XUẤT** *(Nhà thầu ghi rõ bản gốc hoặc bản chụp)* **Gói thầu:** **MUA SẮM THUỐC GENERIC BỔ SUNG NĂM 2021-2022** **Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn**
10	Hạn chót nộp HSĐX: 08 giờ 00, ngày 12 tháng 12 năm 2022 Nơi nhận: Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn Số điện thoại: (028) 38 910 981
11	Nhà thầu được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Bên mời thầu 03 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
12	-Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: **Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn** (65/2B Bà Triệu, Thị trấn Hóc Môn, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh - Số điện

	thoại: (028) 38 914 208) -Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Người có thẩm quyền: **Sở y tế thành phố Hồ Chí Minh** (số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, TP.HCM). Số điện thoại: (028) 39 309 912 Số fax: (028) 39 307 035

Chương III
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

a) Kiểm tra số lượng bản gốc và bản chụp HSĐX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSĐX;

b) Có Đơn đề xuất được đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền theo pháp luật của nhà thầu kèm theo Giấy ủy quyền hợp pháp – Mẫu số 2) ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà thầu liên danh, đơn đề xuất phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian có hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;

d) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu *(trong trường hợp có liên danh);*

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

Nhà thầu có HSĐX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

STT	Nội dung	Mức yêu cầu	Kết quả đánh giá	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Có	Đạt	
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược	Có	Đạt	
3	Bản sao y chứng thực Báo cáo tài chính năm 2021 hoặc năm 2020 (Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh): Doanh thu không thấp hơn 1,5 lần giá gói thầu tham dự	Có	Đạt	
4	Bản sao y chứng thực Thông báo trúng thầu (hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc "Thỏa thuận khung" của Công ty đã ký kết theo kết quả đã trúng thầu) và Hợp đồng mua bán các thuốc tương ứng với những mặt hàng có trong "*Danh mục thuốc yêu cầu*" tại Phụ lục – Gói thầu "*Mua sắm thuốc*	Có và đáp ứng nội dung	Đạt	

	generic bổ sung năm 2021-2022" của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn *Thời hạn từ khi ký hợp đồng của gói thầu trước đó đến ngày phê duyệt kết quả "Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022" của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn không quá 12 tháng.*			

Đánh giá "Đạt" nếu đáp ứng đầy đủ cả 3 nội dung trên

Nhà thầu có đạt về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí "**Đạt", "Không đạt"** để đánh giá về kỹ thuật. HSĐX được đánh giá về kỹ thuật "**Đạt**" khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt. Các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	**Không đạt**
1	Tên hoạt chất đúng với HSYC	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Nồng độ, Hàm lượng đúng với HSYC	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Dạng bào chế đúng với HSYC	Đáp ứng	Không đáp ứng
4	Phân nhóm TCKT đúng với HSYC	Đáp ứng	Không đáp ứng
5	Hình thức đấu thầu của gói thầu đã tham dự và được lựa chọn trước đó. (Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh gói thầu đã tham dự trước đó là đấu thầu rộng rãi; cung cấp mã thông báo mời thầu hoặc các tài liệu khác)	Đáp ứng	Không đáp ứng
6	Nhà thầu cung cấp bản sao y chứng thực: - Thông báo trúng thầu hoặc Quyết định kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu trước đó hoặc Thỏa thuận khung của Công ty đã ký kết theo kết quả đã trúng thầu - Hợp đồng trúng thầu đã ký kết	Đáp ứng đầy đủ	Không đáp ứng
7	Số lượng thuốc cùng loại thuộc gói thầu tương tự đã ký hợp đồng trước đó nhân 1,3 phải lớn hơn số lượng thuốc yêu cầu.	Đáp ứng	Không đáp ứng
8	Số đăng ký do Bộ Y tế cấp (hoặc Giấy phép nhập khẩu thuốc do Bộ Y tế cấp) còn hiệu lực và đúng với thông tin trong KQLCNT trước đó	Đáp ứng	Không đáp ứng

Mục 4. Xác định giá chào

Mục	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		ĐẠT	**KHÔNG ĐẠT**
1	Giá chào trong HSĐX là đơn giá đã có thuế VAT và được tính bằng đồng Việt Nam	Đáp ứng	Không đáp ứng
2	Giá chào trong HSĐX không được vượt quá đơn giá đã ký hợp đồng trước đó đồng thời phải phù hợp với giá thị trường và cũng không được vượt quá đơn giá được phê duyệt trong danh mục thuốc kèm theo HSYC mà Bệnh viện đã phát hành	Đáp ứng	Không đáp ứng
3	Hồ sơ cung cấp giá bán buôn kê khai hoặc kê khai lại đang còn hiệu lực do các cơ sở sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc kê khai Giá chào không được cao hơn giá kê khai hoặc kê khai lại đang còn hiệu lực	Đáp ứng	Không đáp ứng

Chương IV
BIỂU MẪU DỰ THẦU

Mẫu số 1

ĐƠN ĐỀ XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên gói thầu: Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn

(sau đây gọi là Bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ *[Ghi số. ngày của văn bản sửa đổi. nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được. Chúng tôi. ____ *[Ghi tên nhà thầu].* cam kết thực hiện gói thầu *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số. bằng chữ]* cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 18/7/2023. Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận. chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian **120 ngày kể từ ngày** 12 **tháng** 12 **năm 2022**

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 2

GIẤY ỦY QUYỀN[1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____. tại ____

Tôi là____ *[Ghi tên. số CMND hoặc số hộ chiếu. chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu].* là người đại diện theo pháp luật của ____ *[Ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[Ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[Ghi tên. số CMND hoặc số hộ chiếu. chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia gói thầu *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022* do Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia mua sắm trực tiếp, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng thầu.][2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của____ *[Ghi tên nhà thầu]*. ____ *[Ghi tên nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____[3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản. người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu. chức danh. ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất . Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia mua sắm trực tiếp.

Mẫu số 3

THỎA THUẬN LIÊN DANH [1]

_____, ngày _ tháng _ năm _____

Gói thầu: ***Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022***

- Căn cứ [2]_____*[Luật Đấu thầu số 43/2013/QH11 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];*

- Căn cứ[2]_____ *[Luật sửa đổi. bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/ 6/2009 của Quốc hội];*

- Căn cứ[2]_____ *[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Dược và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng];*

- Căn cứ Hồ sơ yêu cầu của gói thầu *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2020-2021* ngày ___ tháng ____ năm ____ *[ngày được ghi trên HSYC];*

Chúng tôi. đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh. gồm có:

Tên thành viên liên danh ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày_____tháng____năm_____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu].*

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ____ *[Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].*

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói thầu này. Trường hợp trúng thầu. không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh

---

[1] Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

[2] Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng

- Hình thức xử lý khác ____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ *[Ghi tên một bên]* làm thành viên đứng đầu liên danh. đại diện cho liên danh trong những phần việc sau [(2)]:

- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản. tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia mua sắm trực tiếp. kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình. làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo. hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ *[ghi cụ thể phần công việc. trách nhiệm của từng thành viên. kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm. nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy kết quả gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____bản. mỗi bên giữ ____ bản. các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên. chức danh. ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên. chức danh. ký tên và đóng dấu]

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[(2)] Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Mẫu số 4

BẢNG CHÀO GIÁ

Tên nhà thầu : ……..

Địa chỉ:.....

Điện thoại công ty:.....

Điện thoại người phụ trách:....

Tên gói thầu: *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022*

STT	STT theo HSYC	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ/ Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	SĐK hoặc số GPNK	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng yêu cầu	Đơn giá yêu cầu	Số lượng đề xuất	Đơn giá đề xuất	Thành tiền đề xuất	Giá kê khai, kê khai lại	Hạn dùng	Đơn vị trúng thầu (nơi trúng thầu)	Số lượng trúng thầu	Đơn giá trúng thầu	Số Quyết định trúng thầu	Ngày ra Quyết định trúng thầu	Ngày ký Hợp đồng	Số Hợp đồng	Phân nhóm TCKT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27

Tổng số khoản:
Tổng giá trị:
Bằng chữ:

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ghi rõ tên. chức danh. ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Đơn vị tính: Tính theo đơn vị tính nhỏ nhất (viên. ống. lọ. tuýp. gói. chai. ...).

Giá kê khai. Giá dự thầu: bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) và các chi phí khác (bao bì. vận chuyển. bảo hiểm. ...) được tính bằng đồng tiền Việt Nam

SĐK hoặc GPNK: Ghi rõ số đăng ký của thuốc hoặc Giấy phép nhập khẩu (đối với thuốc chưa có số đăng ký).

Cột (20): Ghi số Quyết định và số thứ tự thuốc trong danh mục kèm theo Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu. cách nhau bằng dấu chấm (.); ví dụ thuốc số thứ tự 10 trong Quyết định số 1955/QĐ-SYT được ghi như sau: 1955.10

Mẫu số 5

Công ty.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BẢNG CAM KẾT

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC HÓC MÔN

Theo thông báo mời thầu của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn về việc tổ chức mua sắm trực tiếp gói thầu. **Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022.** Chúng tôi..... (điền tên nhà thầu) gửi đến quý Bệnh viện bảng cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản dưới đây:

1. VỀ TIẾN ĐỘ GIAO HÀNG

- Cam kết cung ứng đủ hàng hóa
- Giao hàng đúng số lượng yêu cầu theo từng đợt đặt hàng của bệnh viện
- Giao hàng trong vòng 24 giờ kể từ lúc có đơn đặt hàng của bệnh viện.

2. VỀ GIÁ CẢ

- Không vượt quá giá trúng thầu trong khu vực trong vòng 06 tháng.
- Cam kết không vượt quá giá kê khai/ kê khai lại với Cục QLD.
- Cam kết giữ giá ổn định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

3. VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

- Đảm bảo giao hàng đạt tiêu chuẩn đúng theo yêu cầu của HSYC .
- Hàng hóa được giao nhận phải có hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Thuốc giao cho khoa Dược có hạn sử dụng tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm
- Cam kết thu hồi hàng trong trường hợp hàng đã giao nhưng không bảo đảm chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

4. VỀ THANH TOÁN:

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản
- Thời gian thanh toán: trả chậm trong vòng 90 ngày

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên. chức danh. ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 6

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU (1)

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 2020 hoặc 2021 (2) [VND]	
Năm 2020	Năm 2021

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu *tối thiểu 01 năm* từ hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc(3)			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho năm 2020 hoặc 2021 (4), như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai

- Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định;

- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Các tài liệu khác.

....., ngày ..... tháng..... năm.....
Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

PHẦN 2:
YÊU CẦU ĐỐI VỚI NHÀ THẦU
Chương V
YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

Phạm vi cung cấp thuốc

Theo Danh mục thuốc yêu cầu tại Phụ lục

Biểu tiến độ cung cấp

Thuốc được giao phải đầy đủ số lượng của HSYC, cung ứng đầy đủ và kịp thời số lượng hàng hóa trúng thầu theo nhu cầu sử dụng của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn và theo đúng các thông tin, tiêu chuẩn như đã cung cấp trong hồ sơ đề xuất.

Thuốc phải được giao theo từng đơn hàng của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn.

Nhà thầu phải giao hàng theo quy định trong các hợp đồng mua bán thuốc ký kết với Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn

Nhà thầu phải đảm bảo cung cấp thuốc theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.

Nhà thầu thể hiện theo mẫu cam kết: Mẫu số 05 Chương IV

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

- Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.
- Thuốc phải đúng yêu cầu theo Danh mục thuốc yêu cầu đính kèm trong HSYC (Phụ lục)
- Thuốc phải đúng thông tin theo KQTT của gói thầu đã tham gia và trúng thầu trước đó

PHẦN 3:
YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG
Chương VI
ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**; 1.4. "Tài liệu Hợp đồng" nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.5. "Giá hợp đồng"là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.6. "Ngày" là ngày dương lịch; "tháng" là tháng dương lịch; 1.7. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên quy định tại ĐKCT
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong **ĐKCT**, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **ĐKCT**. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại **ĐKCT**. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT**.
7. Giải quyết tranh	7.1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp

chấp	phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại **ĐKCT**.
8. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
9. Tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **ĐKCT**.
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ thuốc và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	11.1. Loại hợp đồng theo quy định tại **ĐKCT.** 11.2. Giá hợp đồng quy định tại **ĐKCT** là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 11.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
12. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
13. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**.
14. Thanh toán	14.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **ĐKCT**. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 14.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
15. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.

16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	16.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 16.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của chủ đầu tư. nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong khoản 1 Điều này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng 16.3. Các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư. Khi chủ đầu tư có yêu cầu. nhà thầu phải trả lại cho chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn hành nghĩa vụ theo hợp đồng
17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương V – Phạm vi cung cấp;
18. Đóng gói thuốc	Nhà thầu sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại **ĐKCT** phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
19. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại **ĐKCT**.
20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác được quy định tại **ĐKCT**.
21. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	21.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại **ĐKCT**. 21.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối.
22. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 24 ĐKC, nếu nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại **ĐKCT** tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối

	đa như quy định tại **ĐKCT**. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 27 ĐKC.
23. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	23.1. Nhà thầu bảo đảm rằng thuốc được cung cấp bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại **ĐKCT**. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc. 23.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại **ĐKCT.**
24. Bất khả kháng	24.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 24.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 24.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
25. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	25.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại **ĐKCT**. 25.2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

26. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 26.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 26.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 26.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 26.4. Các trường hợp khác quy định tại **ĐKCT**.
27. Chấm dứt hợp đồng	27.1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn; b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**. 27.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 27.1 ĐKC thì nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện. 27.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 27.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1	Chủ đầu tư là: **Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn**
ĐKC 2	Nhà thầu: ____ *[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].*
ĐKC 3	Địa điểm giao hàng: **Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn**
ĐKC 4	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác) ; 2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 5. Điều kiện chung của hợp đồng; 6. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có); 7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (nếu có); 8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
ĐKC 5	- ***Thời hạn thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng***: trước khi ký kết hợp đồng và trong thời hạn **tối đa là 10 ngày** kể từ ngày nhận được Thông báo trúng thầu; - ***Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng***: Thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc nộp tiền mặt. - ***Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng***: 5% trên giá hợp đồng mua bán thuốc với Bệnh viện (giá trị hợp đồng được xác định trên Biên bản thương thảo hợp đồng). - ***Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng***: bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ngân hàng thực hiện thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Đối với các hình thức bảo lãnh khác thì có hiệu lực trước hoặc bằng ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được giao cho Bệnh viện và hai bên hoàn thành việc thanh lý hợp đồng mua bán.
ĐKC 6	Thời hạn giải tỏa bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định.
ĐKC 7	- Thời gian để tiến hành đàm phán, thương lượng: 30 ngày kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Khi phát sinh tranh chấp, bên yêu cầu giải quyết tranh chấp gửi văn bản đề nghị giải quyết tranh chấp. Thời gian giải quyết tranh chấp là **30 ngày** kể từ ngày gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, nếu trong thời gian này hai bên không thỏa thuận được thì một trong các bên gửi đơn khiếu kiện giải quyết tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết.

ĐKC 8	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Hóa đơn bán hàng, Phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng. Chủ đầu tư phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này.
ĐKC 9	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
ĐKC 10	Giá hợp đồng:____*[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng].*
ĐKC 11	- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản. - Điều kiện thanh toán: Thuốc y tế được xem là đủ điều kiện thanh toán khi đã được giao cho Bệnh viện, được kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng và được nhà thầu cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ cho việc thanh toán. - Thời hạn thanh toán: Bệnh viện hoàn tất thanh toán cho nhà thầu chậm nhất là 90 ngày sau khi nhà thầu cung cấp đầy đủ chứng từ hợp lệ theo qui định. - Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Việt Nam đồng (VND)
ĐKC 12	Đóng gói thuốc: phải được đóng gói, bao bì cẩn thận trước khi giao hàng;
ĐKC 13	Yêu cầu về vận chuyển thuốc: - Thuốc y tế phải được giao tại kho của khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn, 65/2B – Bà Triệu – Thị trấn Hóc Môn – Huyện Hóc Môn – Tp. Hồ Chí Minh - Các yêu cầu khác: sẽ qui định chi tiết khi thương thảo hợp đồng
ĐKC 14	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% Mức khấu trừ: 0,1% giá trị trúng thầu bị vi phạm cho mỗi ngày chậm tiến độ. Mức khấu trừ tối đa: 8% giá trị trúng thầu bị vi phạm
ĐKC 15	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: Thuốc y tế được giao không đảm bảo chất lượng trong quá trình kiểm tra, kiểm nghiệm, trong quá trình sử dụng hoặc khi có công bố của cơ quan có thẩm quyền phải được nhà thầu thu hồi và cung cấp lại theo đúng tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu của HSĐX. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn phải bảo đảm: – *Tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên;* – *Tối thiểu còn 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm;* – *Tối thiểu còn 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.*
ĐKC 16	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trong trường hợp thuốc đề xuất có thay đổi trong quá trình đấu thầu hoặc cung ứng thuốc trúng thầu, chủ đầu tư có thể xem xét để nhà thầu thay thế thuốc theo quy định tại Khoản 6 Điều 37 của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, cụ thể: • Thay đổi liên quan đến tên thuốc; tên nhà máy sản xuất; quy cách

	đóng gói trong quá trình lưu hành nhưng số giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu không thay đổi; • Thay đổi số giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu mới nhưng các thông tin khác không thay đổi (tên thuốc, nhà sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, tuổi thọ, phân nhóm thuốc đề xuất); Trong trường hợp thay thế thuốc, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá việc thay thế, bao gồm: bản sao y chứng thực Giấy phép lưu hành sản phẩm (MA) hoặc Giấy chứng nhận sản phẩm dược (CPP), các công văn cho phép thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước (nếu có) mẫu nhãn hoặc tờ hướng dẫn sử dụng có dấu xác nhận của cơ quan cấp phép và thuyết minh về tiêu chuẩn chất lượng không thay đổi của thuốc đề xuất, thuốc đề xuất thay thế.
ĐKC 17	Các hành vi khác: sẽ quy định chi tiết khi thương thảo hợp đồng

Chương VIII
BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 6. Hợp đồng

Mẫu số 7. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 6

HỢP ĐỒNG (1)

___, ngày ___ tháng ___ năm _____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ *[ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án: _____ *[ghi tên dự án]*

- Căn cứ (2) _____*(Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);*

- Căn cứ (2))_____ *(Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);*

- Căn cứ (2)_____ *(Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu);*

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng _____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022* và thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: **Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn**

Địa chỉ: 65/2B – Bà Triệu – Thị trấn Hóc Môn – Huyện Hóc Môn – Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 910 981

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: **Đặng Quốc Quân**

Chức vụ: Giám Đốc Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu *[ghi tên nhà thầu trúng thầu]:* _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền).*

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;

5. Điều kiện chung của hợp đồng;

6. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);

7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ yêu cầu (nếu có);

8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A(3)

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B(3)

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ___*[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].*

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 11 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ khi ký hợp đồng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 18/7/2023

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ___*[ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _ bộ, Chủ đầu tư giữ _ bộ, nhà thầu giữ___ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀTHẦU *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*	ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Hợp đồng phải quy định rõ các điều khoản về trách nhiệm giữa nhà thầu và cơ sở y tế về việc không giao hàng đúng tiến độ, số lượng và việc thanh toán không đúng hạn, sử dụng thuốc không đúng quy định tại Khoản 4 Điều 37 Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 theo hợp đồng đã ký kết giữa nhà thầu và cơ sở y tế.]

Mẫu số 7

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG[1]

_____, ngày _____ tháng _____ năm _____

Kính gửi: _____*[ghi tên chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____*[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); [2]

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu *(hoặc hợp đồng)*, nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____*[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____*[ghi địa chỉ của ngân hàng[3]]* (sau đây gọi là "Ngân hàng"), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____*[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____*[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày___tháng___năm _____[4].

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

"Theo đề nghị của _____ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu *Mua sắm thuốc generic bổ sung năm 2021-2022* đã ký hợp đồng số__*[ghi số hợp đồng]* ngày _____ tháng _____ năm _____ (sau đây gọi là Hợp đồng)."

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

PHỤ LỤC
DANH MỤC THUỐC YÊU CẦU

DANH MỤC YÊU CẦU

MUA THUỐC BỔ SUNG GENERIC NĂM 2021-2022

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
1	Aceclofenac	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên nang		Viên	50,000	4,500	225,000,000
2	Acetyl leucin	Nhóm 4	1.000mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	5,000	24,000	120,000,000
3	Acetyl leucin	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên		Viên	5,000	2,200	11,000,000
4	Aciclovir	Nhóm 4	5%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp 5g	Tuýp	100	9,800	980,000
5	Acid amin + glucose (+ điện giải)	Nhóm 1	40g + 80g	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Túi 2 ngăn 1000ml	Túi	150	404,670	60,700,500
6	Acid tiaprofenic	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên		Viên	10,000	4,900	49,000,000
7	Alimemazin	Nhóm 4	5mg	Uống	Viên		Viên	150,000	86	12,900,000
8	Alpha chymotrypsin	Nhóm 4	21 microkatal	Uống	Viên		Viên	300,000	140	42,000,000
9	Amoxicilin + Sulbactam	Nhóm 1	1g + 0,5g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	5,000	62,000	310,000,000
10	Ampicilin + Sulbactam	Nhóm 2	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	5,000	84,400	422,000,000
11	Ampicilin + Sulbactam	Nhóm 4	2g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	2,000	55,000	110,000,000
12	Amylase + lipase + protease	Nhóm 4	4080IU + 3400IU + 238IU	Uống	Viên		Viên	10,000	3,000	30,000,000
13	Bacillus subtilis	Nhóm 4	10^7 - 10^8 CFU	Uống	Viên		Viên	10,000	1,500	15,000,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
14	Betahistin	Nhóm 4	24mg	Uống	Viên nang		Viên	370,000	2,898	1,072,260,000
15	Bismuth subsalicylat	Nhóm 4	262 mg	Uống	Viên		Viên	200,000	3,800	760,000,000
16	Bromhexin hydroclorid	Nhóm 4	8mg/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói/ống 5ml	Gói/ống	10,000	4,935	49,350,000
17	Budesonide	Nhóm 4	64mcg/ liều	Nhỏ mũi	Thuốc xịt mũi	Bình/Chai/Lọ xịt 120 liều	Bình/Chai/Lọ	300	90,000	27,000,000
18	Calci carbonat + Calci gluconolactat	Nhóm 4	150mg + 1.470mg	Uống	Viên		Viên	150,000	1,900	285,000,000
19	Calci carbonat + Calci gluconolactat	Nhóm 2	300mg + 2.940mg	Uống	Viên sủi		Viên	50,000	3,500	175,000,000
20	Calci glycerophosphat + Magnesium gluconat	Nhóm 1	456mg + 426mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Ống/gói	10,000	5,163	51,630,000
21	Captopril+Hydroclorothiazid	Nhóm 4	50mg+25mg	Uống	Viên		Viên	200,000	1,500	300,000,000
22	Cefalexin	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên		Viên	50,000	1,260	63,000,000
23	Cefixim	Nhóm 2	400mg	Uống	Viên		Viên	100,000	11,400	1,140,000,000
24	Cefoperazon	Nhóm 2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	5,000	43,800	219,000,000
25	Cefoperazon + Sulbactam	Nhóm 2	1g + 1g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	10,000	76,000	760,000,000
26	Cefoxitin	Nhóm 1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm		Chai/lọ/túi/ống	2,000	228,400	456,800,000
27	Celecoxib	Nhóm 4	200mg	Uống	Viên		Viên	200,000	885	177,000,000
28	Cetirizin	Nhóm 3	10mg	Uống	Viên		Viên	10,000	400	4,000,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
29	Chlorpheniramin maleat	Nhóm 4	4mg	Uống	Viên		Viên	300,000	57	17,100,000
30	Cinnarizin	Nhóm 4	25mg	Uống	Viên		Viên	150,000	54	8,100,000
31	Desloratadin	Nhóm 3	5mg	Uống	Viên		Viên	14,000	1,575	22,050,000
32	Diazepam	Nhóm 1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	500	7,720	3,860,000
33	Diazepam	Nhóm 1	5mg	Uống	Viên		Viên	12,000	1,260	15,120,000
34	Diclofenac	Nhóm 4	100mg	Đặt	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng		Viên	3,000	11,500	34,500,000
35	Digoxin	Nhóm 4	0,25mg	Uống	Viên		Viên	3,000	630	1,890,000
36	Diosmin	Nhóm 2	600mg	Uống	Viên		Viên	50,000	5,000	250,000,000
37	Diphenhydramin hydroclorid	Nhóm 4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	600	492	295,200
38	Dutasteride	Nhóm 2	0,5mg	Uống	Viên nang		Viên	20,000	12,600	252,000,000
39	Dydrogesterone	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên		Viên	6,000	7,728	46,368,000
40	Ephedrin hydroclorid	Nhóm 1	30mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Lọ/ống/chai/túi	500	57,750	28,875,000
41	Erythromycin	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên		Viên	15,000	1,180	17,700,000
42	Erythropoietin alpha	Nhóm 4	4.000UI	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Bơm Tiêm/lọ/ống	7,000	256,000	1,792,000,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
43	Erythropoietin beta	Nhóm 5	2.000UI	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Bơm Tiêm/lọ/ống	15,000	220,000	3,300,000,000
44	Esomeprazol	Nhóm 3	40mg	Uống	Viên		Viên	300,000	7,500	2,250,000,000
45	Etoricoxib	Nhóm 1	60mg	Uống	Viên		Viên	30,000	11,990	359,700,000
46	Etoricoxib	Nhóm 4	60mg	Uống	Viên nang		Viên	40,000	3,500	140,000,000
47	Felodipin	Nhóm 3	5mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		Viên	100,000	1,470	147,000,000
48	Fentanyl	Nhóm 1	0,1mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Lọ/ống/chai/túi	5,000	12,999	64,995,000
49	Fentanyl	Nhóm 2	0,1mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Lọ/ống/chai/túi	5,000	12,800	64,000,000
50	Fexofenadin hydroclorid	Nhóm 4	30mg	Uống	Viên hòa tan nhanh		Viên	70,000	1,500	105,000,000
51	Fexofenadin hydroclorid	Nhóm 2	60mg	Uống	Viên		Viên	130,000	795	103,350,000
52	Fluticasone propionat	Nhóm 4	50mcg/liều	Nhỏ mũi	Thuốc xịt mũi	Bình/chai/lọ xịt 60 liều	Bình/chai/lọ	300	96,000	28,800,000
53	Glucose	Nhóm 4	10%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 500ml	Chai/lọ/túi/ống	600	9,555	5,733,000
54	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Nhóm 1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	200	80,283	16,056,600
55	Hydroxypropylmethylcellulose	Nhóm 4	0,3%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống 15ml	Chai/lọ/ống	500	30,000	15,000,000
56	Ibuprofen	Nhóm 4	200mg	Uống	Viên		Viên	4,000	480	1,920,000
57	Irbesartan	Nhóm 4	150mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		Viên	100,000	6,500	650,000,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
58	Irbesartan + Hydrochlorothiazide	Nhóm 2	300mg + 25mg	Uống	Viên		Viên	50,000	9,975	498,750,000
59	Itoprid	Nhóm 1	50mg	Uống	Viên		Viên	50,000	4,796	239,800,000
60	Kali clorid	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên		Viên	20,000	745	14,900,000
61	Ketamin	Nhóm 1	500mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 10ml	Lọ/ống/chai/túi	20	60,800	1,216,000
62	Levothyroxin natri	Nhóm 4	100mcg	Uống	Viên		Viên	10,000	294	2,940,000
63	Lisinopril	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên		Viên	200,000	1,900	380,000,000
64	Lisinopril	Nhóm 2	30mg	Uống	Viên		Viên	50,000	5,691	284,550,000
65	Losartan	Nhóm 4	50mg	Uống	Viên		Viên	300,000	210	63,000,000
66	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + Simethicon	Nhóm 4	(800mg + 611,76mg + 80mg)/15g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Ống/gói	100,000	3,150	315,000,000
67	Magnesi hydroxyd + Nhôm hydroxyd + Simethicon	Nhóm 4	800,4mg + 611,76mg + 80mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống		Ống/gói	50,000	2,625	131,250,000
68	Mesalazin (Mesalamin, Fisalamin)	Nhóm 2	500mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		Viên	50,000	7,900	395,000,000
69	Metformin hydroclorid	Nhóm 4	1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		Viên	400,000	1,785	714,000,000
70	Metformin hydroclorid	Nhóm 1	850mg	Uống	Viên		Viên	300,000	710	213,000,000
71	Methocarbamol	Nhóm 4	1000mg	Uống	Viên		Viên	30,000	2,289	68,670,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
72	Methyl ergometrine Maleate	Nhóm 1	0,2mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	200	18,900	3,780,000
73	Methyl prednisolon	Nhóm 4	125mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	8,000	64,500	516,000,000
74	Metoclopramid	Nhóm 1	10mg	Uống	Viên		Viên	45,000	105	4,725,000
75	Midazolam	Nhóm 1	5mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	5,000	18,900	94,500,000
76	Misoprostol	Nhóm 4	200mcg	Uống	Viên		Viên	8,000	4,400	35,200,000
77	Morphin hydroclorid hoặc Morphin sulfat	Nhóm 1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	500	27,930	13,965,000
78	Morphin hydroclorid hoặc Morphin sulfat	Nhóm 4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	300	6,993	2,097,900
79	N-acetylcystein	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên hòa tan nhanh		Viên	150,000	1,092	163,800,000
80	N-acetylcystein	Nhóm 1	200mg	Uống	Bột/ cốm/ hạt pha uống		Gói	50,000	1,730	86,500,000
81	Natri clorid	Nhóm 4	0,9%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài, vô khuẩn	Chai/lọ 1000ml	Chai/lọ	7,000	10,080	70,560,000
82	Natri clorid	Nhóm 4	3%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 100ml	Chai/lọ/túi/ống	500	8,199	4,099,500
83	Natri hyaluronat	Nhóm 2	20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm		Bơm tiêm	500	550,000	275,000,000
84	Natri hyaluronat	Nhóm 1	25mg	Tiêm	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền		Ống/Bơm tiêm	300	720,000	216,000,000
85	Natri hydrocarbonat (Natri bicarbonat)	Nhóm 1	4,2%	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 250ml	Chai/lọ/túi/ống	250	95,000	23,750,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
86	Neostigmin metylsulfat	Nhóm 1	0,5mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Lọ/ống/chai/túi	500	12,800	6,400,000
87	Netilmicin (dưới dạng Netilmicin sulfat)	Nhóm 4	150mg/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 50ml	Chai/lọ/túi/ống	2,000	95,000	190,000,000
88	Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	Nhóm 4	1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Lọ/ống/chai/túi	5,000	26,000	130,000,000
89	Nước cất pha tiêm	Nhóm 4		Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 500ml, nắp bật nhựa	Chai/lọ/túi/ống	2,000	8,710	17,420,000
90	Nước oxy già	Nhóm 4	3%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ 60ml	Chai/lọ	2,000	1,575	3,150,000
91	Nystatin	Nhóm 4	500.000UI	Uống	Viên		Viên	2,000	900	1,800,000
92	Octreotid	Nhóm 1	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Lọ/ống/chai/túi	200	241,525	48,305,000
93	Ofloxacin	Nhóm 4	200mg	Uống	Viên		Viên	12,000	330	3,960,000
94	Paracetamol (Acetaminophen)	Nhóm 1	500mg/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	10,000	35,500	355,000,000
95	Perindopril arginine, Amlodipine	Nhóm 1	3,5mg; 2,5mg	Uống	Viên		Viên	30,000	5,960	178,800,000
96	Perindopril arginine, Amlodipine	Nhóm 1	7mg + 5mg	Uống	Viên		Viên	15,000	6,589	98,835,000
97	Pethidin hydroclorid	Nhóm 1	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Lọ/ống/chai/túi	100	17,850	1,785,000
98	Piracetam	Nhóm 4	800mg	Uống	Viên		Viên	200,000	1,200	240,000,000
99	Polyethylene glycol + Propylene glycol	Nhóm 1	0,4% + 0,3%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống 5ml	Chai/lọ/ống	500	60,099	30,049,500
100	Povidon iodin	Nhóm 4	10%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ 140ml	Chai/lọ	5,000	26,880	134,400,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
101	Povidon Iodin	Nhóm 4	10%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ 500ml	Chai/lọ	2,500	58,800	147,000,000
102	Prednisolon acetat	Nhóm 1	1%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/lọ/ống 5ml	Chai/lọ/ống	300	31,762	9,528,600
103	Propofol	Nhóm 1	1%	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 50ml	Chai/lọ/túi/ống	520	112,000	58,240,000
104	Rebamipid	Nhóm 3	100mg	Uống	Viên		Viên	10,000	3,000	30,000,000
105	Ringer acetat	Nhóm 1		Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/túi/ống 500ml	Chai/lọ/túi/ống	12,000	7,770	93,240,000
106	Rocuronium bromid	Nhóm 1	50mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 5ml	Lọ/ống/chai/túi	500	47,600	23,800,000
107	Rotundin	Nhóm 4	30mg	Uống	Viên hòa tan nhanh		Viên	30,000	1,470	44,100,000
108	Saccharomyces boulardii	Nhóm 4	2,26 x 10^9 CFU	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống		Gói	10,000	3,591	35,910,000
109	Salbutamol (sulfat)	Nhóm 4	2,5mg/2,5ml	Hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống 2,5ml	Chai/lọ/ống	8,500	4,410	37,485,000
110	Salbutamol (sulfat)	Nhóm 1	5mg/2,5ml	Hô hấp	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/lọ/ống 2,5ml	Chai/lọ/ống	7,500	8,513	63,847,500
111	Sắt (III) Hydroxide Polymaltose và acid Folid BP	Nhóm 5	100mg Fe + 0,5mg	Uống	Viên		Viên	5,000	4,250	21,250,000
112	Spironolacton + Furosemid	Nhóm 2	50mg + 20mg	Uống	Viên		Viên	2,000	1,790	3,580,000
113	Sulpirid	Nhóm 4	100mg	Uống	Viên		Viên	100,000	441	44,100,000
114	Sulpirid	Nhóm 2	50mg	Uống	Viên		Viên	300,000	500	150,000,000

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền
115	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	Nhóm 2	80mg+25mg	Uống	Viên		Viên	60,000	9300	558,000,000
116	Tenofovir (TDF)	Nhóm 2	300mg	Uống	Viên		Viên	100,000	3,850	385,000,000
117	Tenoxicam	Nhóm 4	20mg	Uống	Viên nang		Viên	50,000	3,192	159,600,000
118	Ticarcilin + acid clavulanic	Nhóm 4	3g + 0,2g	Tiêm	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền		Chai/lọ/túi/ống	1,000	98,000	98,000,000
119	Tranexamic acid	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên bao tan ở ruột		Viên	5,000	1,733	8,665,000
120	Trimetazidin dihydroclorid	Nhóm 1	20mg	Uống	Viên		Viên	130,000	1,890	245,700,000
121	Vitamin B1 + B6 + B12	Nhóm 4	100mg + 50mg + 500mcg	Uống	Viên		Viên	50,000	1,500	75,000,000
122	Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	Nhóm 4	5mg + 470mg	Uống	Viên		Viên	550,000	140	77,000,000
123	Vitamin C	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên		Viên	210,000	185	38,850,000
124	Vitamin PP	Nhóm 4	500mg	Uống	Viên		Viên	20,000	220	4,400,000
125	Xanh methylen + Tím gentian	Nhóm 4	400mg + 50mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ 20ml	Chai/lọ	300	10,500	3,150,000
TỔNG CỘNG: 125 KHOẢN										**25,377,437,300**